| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2023/DS-PT
Ngày: 30 - 8 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Phượng.

*Các Thẩm phán*:

+ Ông Đinh Huy Lưỡng.

+ Bà Trần Thị Sâm.

***- Thư ký phiên tòa***: bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:*** bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLPT-DS ngày 07/6/2023 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2023/QĐ-PT ngày 17/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 26/2023/QĐ-PT ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1965; địa chỉ: số 3, ngõ 6, H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hữu C*: ông Nguyễn Tuấn Anh - Luật sư của Công ty Luật TNHH Tuấn Ngọc, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: số 101 k3, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

*2. Bị đơn:* ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1963; địa chỉ: bản V, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1948; địa chỉ: thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn T, xã G, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; địa chỉ: xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: số 5, đường H, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 và chị Trần Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Tất N, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

- Ông Nguyễn Hoà T, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Xuân Lai, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T: ông Đỗ Hữu T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

*4. Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1944. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1964. (Có mặt)

- Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1964. (Có mặt)

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1940; địa chỉ: xóm 8, xã Gia Sinh, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

*5. Người kháng cáo:* ông Nguyễn Hữu K (bị đơn).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu C trình bày:*

Cụ Nguyễn Hữu K1 (mất năm 2011) và cụ Nguyễn Thị H1 (mất năm 2021) sinh được 08 người con gồm: ông Nguyễn Đức V, ông Nguyễn Hữu K1 (liệt sỹ, chết năm 1968, có vợ là Lê Thị D, không có con chung, sau khi ông K1 chết thì bà D đã đi lấy chồng khác), bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị T. Ngoài 08 người con nêu trên, bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. 07 (bảy) người con còn lại đều khỏe mạnh bình thường và không bị mất khả năng lao động khi bố mẹ lập di chúc.

Di sản do cụ K1 và cụ H1 để lại gồm: diện tích thổ cư ở khu vực thứ nhất là 1 sào, trong khu đất có dựng ngôi nhà gỗ 5 gian và một nhà bếp nhỏ, xung quanh xây tường lợp mái ngói. Diện tích đất thổ cư thứ hai ở bên ngoài đất thổ cư thứ nhất.

Ngày 31/01/2009, bố mẹ ông đã lập Di chúc để phân chia di sản, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T. Di sản mà bố mẹ ông để lại và định đoạt trong Di chúc như sau:

Ba người con gái đi lấy chồng, không phân chia đất thổ cư cho con gái. Đất thổ cư và nhà giao cho 05 người con trai như sau:

Ngôi nhà 5 gian: để lại 3 gian giữa làm của chung, làm 3 gian nhà thờ để thờ ông bà, cha mẹ, thờ anh liệt sỹ. Còn lại 2 gian ở hai đầu giao cho hai người con: mỗi người con một gian có một vỉ cột: người con cả Nguyễn Hữu V ở gian bên Đông, người con út Nguyễn Hữu Đ ở gian bên Tây. Còn nhà bếp không phân chia để hai người con cả và con út sử dụng chung.

Đất thổ cư thứ nhất là 1 sào: để lại 0 sào 3 thước đất hương hỏa, để phần anh liệt sỹ 0 sào 2 thước ở cùng liền đất hương hỏa, để cổng đi vào nhà thờ cúng tổ tiên, cha mẹ 0 sào 01 thước. Diện tích còn lại là 0 sào 09 thước chia đều cho 2 người con, mỗi người con nhận được 0 sào 4,5 thước. Chia phần anh Nguyễn Hữu V ở phía Đông. Chia phần anh Nguyễn Hữu Đ ở phía Tây.

Đất thổ cư thứ hai là 0 sào 12 thước: chia đều cho 2 người con, mỗi người được 0 sào 06 thước: chia phần anh Nguyễn Hữu C ở phía Bắc, chia phần anh Nguyễn Hữu K ở phía Nam.

Sau đó, bản Di chúc được ông Nguyễn Tất N (Chủ tịch UBND xã T) xác nhận và vào sổ, số đăng ký 01/quyển 01 năm 2009. Ngoài những người được bố mẹ ông phân chia di sản theo Di chúc, không còn bất cứ người nào khác được hưởng di sản, cũng không có bất cứ ai thuộc đối tượng là "Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc" được quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuy nhiên, sau khi bố mẹ ông qua đời, ông Nguyễn Hữu K đã không thực hiện phân chia tài sản theo Di chúc bố mẹ để lại, chiếm đoạt toàn bộ tài sản của bố mẹ ông, không cho anh em vào nhà thờ để thắp hương khói cho bố mẹ ông. Hiện tại, trên phần diện tích đất thổ cư thứ nhất theo Di chúc của bố mẹ ông chỉ có nhà thờ, 2 gian nhà ở hai bên và khu bếp. Toàn bộ các công trình này đang không có ai sử dụng. Anh em thỉnh thoảng có về thắp hương nhưng đều bị ông K khóa cửa không cho vào.

Đối với phần diện tích đất thổ cư thứ hai theo Di chúc, trên diện tích đất này chỉ còn anh Nguyễn Văn H là con trai của ông Nguyễn Hữu K sinh sống.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Yêu cầu công nhận bản Di chúc do bố mẹ ông để lại và chia di sản thừa kế cho những người được nhận di sản thừa kế theo Di chúc của cụ Nguyễn Hữu K1 và cụ Nguyễn Thị H1 đã được lập và có xác nhận của UBND xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình ngày 21/02/2009.

+ Yêu cầu ông Nguyễn Hữu K bàn giao trả lại ông phần diện tích đất ông được bố mẹ chia theo Di chúc là 0 sào 06 thước tương ứng với 144 $m^2$ với vị trí xác định theo Di chúc bố mẹ ông để lại.

*Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Hữu K trình bày:*

Năm 1986 bố mẹ ông đã cho ông mảnh đất tại thửa 509 tờ bản đồ số 03, diện tích 255$m^2$, diện tích này là đất ao. Ông đã thuê người tôn tạo san lấp ao mới được mảnh đất như ngày hôm nay. Từ năm 1993 cho đến nay, bố mẹ và tất cả các anh chị em ruột không ai nói gì. Việc ông C kiện ông đòi trả lại 144$m^2$ đất là không đúng. Ông khẳng định Di chúc ông C đưa ra là không hợp pháp vì: khi viết Di chúc bố ông ốm liệt giường, không đi lại được. Di chúc có ghi khế ước lập thành 05 bản, mỗi người con được phân giao nhà đất giữ 01 bản nhưng chứng thực của UBND xã lại là lời chứng của chính quyền, người lập Di chúc 04 bản chính, lưu tại UBND xã 01 bản chính là không đúng. Di chúc không có cán bộ tư pháp hoặc cán bộ địa chính xem xét xác nhận, ông N Chủ tịch xã xác nhận và viết chứng thực ở đâu, diện tích đất được ghi trong Di chúc và diện tích đất thực tế không đúng. Di chúc là không hợp pháp ngụy tạo bởi ông C và ông Đ có sự tiếp tay của một số cán bộ, công chức của UBND xã T thời điểm năm 2009. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 việc chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung nghĩa vụ chưa đầy đủ, trong Di chúc mới đề cập đến việc thờ cúng liệt sỹ, ngoài ra Di chúc gồm nhiều trang nhưng mỗi trang không được đánh số thự tự và không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập Di chúc. Theo quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005 Di chúc phải có ít nhất là 2 người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập Di chúc và ký vào Di chúc. Tuy nhiên Di chúc này chưa đáp ứng được yêu cầu đó. Chữ ký của bố ông trong Di chúc là giả mạo. Việc ông C và ông Đ không bàn bạc với ông mà tự mình công bố Di chúc là không đúng. Khi còn sống bố mẹ ông biết viết chữ, ngày lập Di chúc và ngày Di chúc được ủy ban xã chứng thực cách nhau 21 ngày, dựa vào cơ sở nào để khẳng định bố mẹ ông điểm chỉ vào di chúc trước mặt người chứng thực. Trong Di chúc không đưa giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất năm 1955 do ông Chủ tịch tỉnh Ninh Bình Vũ Công H ký ngày 27/12/1995 vào Di chúc là không đúng, vì chỉ có giấy chứng nhận này bố mẹ ông mới có di sản để chia.

Nay ông không công nhận Di chúc mà ông C yêu cầu Tòa án công nhận, đề nghị Tòa án hủy Di chúc đó. Đây là di sản của bố mẹ nên ông không có hành vi cản trở anh em đến hương khói cho bố mẹ như ông C trình bày. Hiện nay con trai ông là anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị C đang sinh sống trên đó. Đề nghị xem xét tính công sức duy trì, bảo quản, tôn tạo tài sản cho ông.

*Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L có quan điểm: công nhận về hàng và diện thừa kế như ông C đã trình bày, bản Di chúc lập ngày 21/02/2009 là hợp pháp, thể hiện đúng ý chí định đoạt và phân chia di sản cho 04 người con trai gồm ông V, ông K, ông C và ông Đ. Đề nghị Tòa án công nhận Di chúc hợp pháp và phân chia di sản đúng như trong Di chúc.

- Ông Nguyễn Tất N trình bày: năm 2009 ông là Chủ tịch UBND xã T. Tháng 2 năm 2009, cụ K1 và cụ H1 cùng với ông D có mang 05 bản Di chúc viết tay chưa có điểm chỉ, chưa có chữ ký đến UBND xã T để chứng thực. Sau khi các đồng chí chuyên môn như cán bộ địa chính và cán bộ tư pháp xem xét lại xác định bản Di chúc hợp pháp đã trình ông ký chứng thực. Cụ H1, cụ K1, ông D điểm chỉ và ký vào cả 5 bản Di chúc trước mặt ông và cán bộ tư pháp, lời chứng thực là chữ viết của ông Nguyễn Hòa T cán bộ tư pháp. Ngày viết Di chúc trước ngày chứng thực vì các cụ nhờ người viết trước sau đó mới mang đến ủy ban chứng thực. Ông khẳng định cụ K1, cụ H1, ông D ký và điểm chỉ tại ủy ban.

- Ông Nguyễn Hòa T trình bày: năm 2009 ông là cán bộ tư pháp của UBND xã T. Tháng 2 năm 2009 cụ K1, cụ H1 cùng ông D có đến UBND xã T đề nghị chứng thực Di chúc, ông tiếp nhận và xem xét nội dung, trên cơ sở trình bày của hai cụ, ông D đọc lại Di chúc cho hai cụ nghe lại lần nữa, xác định đúng hai cụ đã ký điểm chỉ, ông D ký trước mặt ông và ông N Chủ tịch UBND. Ông là người viết lời chứng thực vào cả 5 bản Di chúc, ông N ký xác nhận thay mặt chính quyền, vào sổ đăng ký tại UBND xã và lưu 01 bản tại UBND theo đúng quy định.

- Theo báo cáo của UBND xã T ngày 21/02/2023 thể hiện: thời điểm năm 2009 thì ông Nguyễn Tất N giữ cương vị Chủ tịch UBND xã là đúng, thời gian đảm nhiệm chức vụ từ tháng 7 năm 2004 đến tháng 6 năm 2010. Ông Nguyễn Hòa T: năm 2009 là cán bộ Tư pháp – Hộ tịch xã T là đúng. Di chúc của cụ K1 và cụ H1 được cán bộ Tư pháp – Hộ tịch vào sổ chứng thực của UBND xã T. Cụ thể tại "Sổ chứng thực di chúc, từ chối nhận di sản quyển số 01/TPX/CT-2 mở ngày 18/9/2001. Có số chứng thực 01 ngày 21/02/2009 chứng thực ông Nguyễn Hữu K1 và Bà Nguyễn Thị H1, thôn H, loại việc "Di chúc phân chia tài sản đất đai nhà ở cho các con" số lượng 05 bản, người ký chứng thực là đồng chí Nguyễn Tất N, Chủ tịch UBND xã ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 149, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 631, 633, 634, 645, 646, 648, 649, 650, 652, 653; 654; 656; 657; 658; 667, 668; 670 Bộ luật Dân sự năm 2005. Các Điều 164, 166, 212, 274, 275, 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 98, Điều 100, Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận Di chúc của cụ Nguyễn Hữu K1 và cụ Nguyễn Thị H1 đã được lập ngày 31/8/2009 và có xác nhận của UBND xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình ngày 21/02/2009 là hợp pháp.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Hữu K1 và cụ Nguyễn Thị H1.

Phân chia di sản theo di chúc cụ thể như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Hữu V quyền sử dụng 109,3m$^2$ đất ở tại thửa số 396 tờ bản đồ số PL-04 bản đồ địa chính xã T lập năm 1996 (sau đây viết tắt là thửa số 396) cùng các cây cối công trình có trên diện tích được chia. 01 gian nhà thuộc căn nhà 05 gian ở gian bên Đông. Giá trị đất là 229.530.000 đồng + giá trị 01 gian nhà là 17.953.241 đồng = 247.483.241 đồng.

- Chia Nguyễn Hữu Đ quyền sử dụng 109,3m$^2$ đất ở tại thửa số 396 cùng các cây cối công trình có trên diện tích được chia; 01 gian nhà thuộc căn nhà 05 gian ở gian bên Đông. Giá trị đất là 229.530.000 đồng + giá trị 01 gian nhà là 17.953.241 đồng = 247.483.241 đồng.

- Xác định di sản dùng vào việc thờ cúng và đường đi chung là: quyền sử dụng144m$^2$ đất ở thuộc thửa 396 + 03 gian nhà thuộc căn nhà 5 gian. Giao cho ông Nguyễn Hữu V quản lý để thực hiện việc thờ cúng.

- Chia cho ông Nguyễn Hữu C ở phía Bắc quyền sử dụng 165m$^2$ đất ở, thuộc thửa 393 tờ bản đồ số PL-04 bản đồ địa chính xã T lập năm 1996 (sau đây viết tắt là thửa số 393) có giá trị 297.255.000 đồng.

- Chia theo Di chúc cho ông Nguyễn Hữu K ở phía Nam là 165m$^2$, thuộc thửa 393 có giá trị 297.255.000 đồng. (Có sơ họa kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Hữu K cùng vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Trần Thị C phải tháo dỡ và di dời những tài sản đã xây dựng trên thửa đất số 393, gồm: 01 Nhà 3 tầng diện tích xây dựng 186,9m$^2$. 01 Nhà mái bằng 1 tầng diện tích xây dựng 27.2m$^2$. 01 Bể nước ngầm thể tích 24m$^3$. Cây cối: 01 cây cau. 01 cây chay, 02 cây bưởi, 01 cây xoài.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

*Ngày 31/3/2023 ông Nguyễn Hữu K có gửi qua dịch vụ bưu chính Đơn kháng cáo đề ngày 28/3/2023 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung:* ông kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm xét xử trái pháp luật, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để lấy lại sự công bằng cho gia đình ông với lý do: ông Nguyễn Hữu K1 có 02 bà vợ. Bà vợ thứ nhất là cụ Phạm Thị Tục, sinh được 02 người con là anh Nguyễn Hữu K1 (liệt sỹ) và anh Nguyễn Đức V. Bà vợ thứ hai là cụ Nguyễn Thị H1 có 06 người con gồm: ông, ông C, ông Đ, bà Len, bà Sợi, bà Thoa. Các cụ để lại 02 thổ đất: đối với thửa đất số 396: ông xây dựng toàn bộ nhà bếp và công trình phụ 24m$^2$, 1 bể nước, lát sân, bậc hè lên xuống, 3

bộ cửa ra vào, sửa mái nhà năm 2015, xây tường bao, cổng; trồng 02 cây mít, 1 cây đào, 1 cây bưởi, 1 cây hồng xiêm, 2 cây khế, cọc bê tông để làm giàn trầu không. Đối với thửa đất thứ hai tại tờ bản đồ số 201 có diện tích 255m$^2$, bản đồ 924 có diện tích 330m$^2$. Vào năm 1986, vợ chồng ông đổ đất quật lập từ khi còn là cái ao. Năm 1993 vợ chồng ông xây dựng nhà 3 tầng 1 tum và 1 nhà mái bằng diện tích 28m$^2$, cây cối, bể nước, tường bao, cổng. Khi xây dựng được bố mẹ anh em đồng ý nhưng bản án không nêu việc ông và vợ ông là bà Đinh Thị Đ xây dựng, quật lập tài sản như hiện nay. Bản Di chúc không phù hợp vì ngày viết và ngày xác nhận cách nhau và vào ngày thứ 7 là ngày nghỉ, có nhiều tờ không có chữ ký và điểm chỉ vào từng tờ. Bố mẹ ông đều biết chữ nhưng trong Di chúc không ghi lý do vì sao bố mẹ ông lại nhờ người viết hộ, chữ ký không phải của bố mẹ ông. Năm 2008-2009 bố ông ốm liệt giường không đi lại được mà có xác nhận của UBND xã. Khi Toà phân chia tài sản không đưa vợ ông là bà Đinh Thị Đ, vì tài sản công sức trông coi bảo quản tôn tạo tài sản từ năm 1986 cho tới nay không được hưởng mà Toà phá nhà vợ ông không biết. Ông không đồng ý với Toà án cấp sơ thẩm buộc ông và con ông phải tháo dỡ và di dời những tài sản do vợ chồng ông xây dựng trên thửa đất của ông có quyền quản lý và sử dụng. Về giá tài sản không đúng giá trị về tài sản trên đất và cây cối của gia đình ông, không giao và thông báo cho ông về giá trị tài sản.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông Nguyễn Hữu C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Ông Nguyễn Hữu K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Đức V, ông Nguyễn Hữu Đ đều trình bày: không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Ông Nguyễn Tất N trình bày: di chúc do cụ K1 và cụ H1 điểm chỉ là hợp pháp.

- Ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T đều trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cha để lại, tài sản trên thửa đất số 393 là của vợ chồng ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau: trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định: chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Toà án nhân dân huyện N và chuyển hồ sơ

vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông K không phải nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Đơn kháng cáo của ông K làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn H, chị Trần Thị C, ông Nguyễn Hoà T, người đại diện hợp pháp của UBND xã T; những người làm chứng như ông Nguyễn Hữu Q, ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Khắc S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng có tên nêu trên.

[1.3] Về việc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ: trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 26/7/2023 ông K giao nộp Đơn đề nghị ngày 24/7/2023, ngày 07/8/2023 ông K giao nộp Đơn đề nghị ngày 07/8/2023 đều trình bày việc vợ chồng ông có xây dựng ngôi nhà 3 tầng kiên cố và các công trình phụ trên thửa đất số 393. Ngày 07/8/2023 bà Đinh Thị Đ giao nộp Đơn đề nghị đề ngày 04/8/2023 trình bày bà và ông K đã xây dựng ngôi nhà 3 tầng. Ngày 11/8/2023 ông K giao nộp Giấy biên nhận ngày 10/8/2023 của ông K có xác nhận của một số người đã chở đất đổ vào ao cho gia đình ông K. Ngày 10/8/2023 ông Nguyễn Hữu Đ giao nộp 03 bản Di chúc (bản sao).

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự giao nộp các tài liệu, chứng cứ nêu trên và có một số tài liệu, chứng cứ mới phát sinh. Do đó, việc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ của các đương sự là hợp lệ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 76, khoản 4 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

[1.4] Khi thụ lý vụ án, Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ về việc ngoài di sản theo di chúc của cụ K1, cụ H1 thì cụ K1 và cụ H1 còn tài sản gì khác không, để xác định thẩm quyền của Toà án giải quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bản án sơ thẩm chia thừa kế di sản của cụ K1 và cụ H1 nhưng không xem xét, giải quyết đến công sức bảo quản di sản của người quản lý di sản theo Điều 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án sơ thẩm buộc ông K cùng vợ chồng anh Hiến, chị Cúc phải tháo dỡ và di dời những tài sản đã xây dựng trên thửa đất số 393 trong khi ông K và những

người làm chứng như ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T đều trình bày tài sản trên thửa đất số 393 là của vợ chồng ông K nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa bà Đinh Thị Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bỏ lọt người tham gia tố tụng, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của bà Đ.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, định giá, thẩm định công sức tôn tạo, bảo quản, tạo lập tài sản của gia đình ông K có liên quan đến di sản của cụ K1, cụ H1.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp phúc thẩm đã phát sinh tình tiết mới, cụ thể: tại Giấy xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã K xác nhận bà Đinh Thị Đ là vợ ông K. Đơn đề nghị ngày 04/8/2023 của bà Đinh Thị Đ trình bày bà có công sức tạo lập tài sản trên thửa đất số 393. Tại Giấy biên nhận ngày 10/8/2023 một số người xác nhận có chở đất, đá đổ vào nền vườn, đổ vào ao cho ông K để bồi trúc tại thửa đất số 393. Ông Nguyễn Hữu Đ giao nộp 03 bản Di chúc (bản sao).

Vì vậy, các tài liệu, chứng cứ mới phát sinh chưa được Toà án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá và giải quyết.

[4] Từ những căn cứ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông K, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên các nội dung kháng cáo của ông K sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật khi xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: do bản án bị huỷ nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thẩm quyền đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Hữu K không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2023).

***Nơi nhận:***
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Phượng**